PHỤ LỤC: KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo /UBND-KT ngày 09 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Trần Phú)

ĐVT: đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Kế hoạch vốn thành phố giao năm 2026	Lũy kế giải ngân đến 09/10/2026	Số liệu tính giải ngân đến 09/10/2026	Ước giải ngân lũy kế 10 tháng	SS giải ngân so với KH thành phố giao (tính đến 09/10/2026)	SS giải ngân so với KH thành phố giao (9 tháng 2026)	Ước giải ngân quý IV	Tiến độ thực hiện dự án (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6	7=5/3*100%	8=6/3*100%	9	9
	TỔNG CỘNG	**45,306,000,000**	###########	**40,934,066,315**	**43,051,714,315**	**90.35**	**95.02**	**2,254,285,685**	
I	**Các dự án thành phố quản lý giao cho xã làm chủ đầu tư (18 dự án)**	**30,174,000,000**	**27,282,236,315**	**27,282,236,315**	**28,382,236,315**	**90.42**	**94.06**	**1,791,763,685**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Hiệp Cát đoạn từ Nghĩa trang Liệt sỹ đi dốc đê Kinh Dương	781,854,000	574,839,315	574,839,315	574,839,315			207,014,685	100
2	Công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào thôn Lấu Khê	2,926,000,000	2,926,000,000	2,926,000,000	2,926,000,000				100
3	Xây mới Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Hiệp Cát	600,000,000			600,000,000				100
4	Xây mới bếp ăn bán trú trường Mầm non Thanh Quang	541,000,000	541,000,000	541,000,000	541,000,000				100
5	Hoàn thiện hạ tầng khu tái định cư Cát Khê	154,000,000	154,000,000	154,000,000	154,000,000				100

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Kế hoạch vốn thành phố giao năm 2026	Lũy kế giải ngân đến 09/10/2026	Số liệu tính giải ngân đến 09/10/2026	Ước giải ngân lũy kế 10 tháng	SS giải ngân so với KH thành phố giao (tính đến 09/10/2026)	SS giải ngân so với KH thành phố giao (9 tháng 2026)	Ước giải ngân quý IV	Tiến độ thực hiện dự án (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6	7=5/3*100%	8=6/3*100%	9	9
6	Đèn LED trang trí các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã	39,000,000						39,000,000	100
7	Sửa chữa sân trước nghĩa trang Liệt sỹ Thanh Quang	251,000,000	251,000,000	251,000,000	251,000,000				100
8	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa các thôn trên địa bàn xã	193,000,000	193,000,000	193,000,000	193,000,000				100
9	Công trình Cải tạo tuyến đường trục thôn Trực Trì đi đường dẫn cầu Tân An xã Trần Phú (mặt đường, hệ thống tiêu thoát nước, tường chắn….)	5,500,000,000	5,500,000,000	5,500,000,000	5,500,000,000				95
10	Công trình Cải tạo đường nối từ đường 183 cũ đến Quốc lộ 37, từ QL 37 đi xã Hợp Tiến, từ đường xã Hợp Tiến đi thôn Lê Hà (mặt đường, hệ thống tiêu thoát nước, tường chắn….)	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000				80

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Kế hoạch vốn thành phố giao năm 2026	Lũy kế giải ngân đến 09/10/2026	Số liệu tính giải ngân đến 09/10/2026	Ước giải ngân lũy kế 10 tháng	SS giải ngân so với KH thành phố giao (tính đến 09/10/2026)	SS giải ngân so với KH thành phố giao (9 tháng 2026)	Ước giải ngân quý IV	Tiến độ thực hiện dự án (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6	7=5/3*100%	8=6/3*100%	9	9
11	Cải tạo mặt đường, rãnh thoát nước các tuyến đường của các thôn:	4,931,000,000	4,931,000,000	4,931,000,000	4,931,000,000				100
12	Cải tạo tuyến đường nối thôn Kinh Dương - Cát Khê	450,000,000	404,251,000	404,251,000	404,251,000			45,749,000	100
13	Cải tạo bãi rác tập trung xã Trần Phú	1,645,000,000	1,645,000,000	1,645,000,000	1,645,000,000				95
14	Bếp ăn bán trú và các công trình phụ trợ trường Mầm non Quốc Tuấn, xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng	1,500,000,000	1,500,000,000	1,500,000,000	1,500,000,000				95
15	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới cạnh sân thể thao thôn Mạn Đê	3,863,000,000	3,863,000,000	3,863,000,000	3,863,000,000				70
16	Xây mới trường Tiểu học và THCS Thanh Quang (24 phòng học và các phòng chức năng, khu làm việc)	500,000,000			500,000,000				Chuẩn bị thi công
17	Nhà đa năng trường Tiểu học Hiệp Cát	1,500,000,000						1,500,000,000	Chuẩn bị thi công

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Kế hoạch vốn thành phố giao năm 2026	Lũy kế giải ngân đến 09/10/2026	Số liệu tính giải ngân đến 09/10/2026	Ước giải ngân lũy kế 10 tháng	SS giải ngân so với KH thành phố giao (tính đến 09/10/2026)	SS giải ngân so với KH thành phố giao (9 tháng 2026)	Ước giải ngân quý IV	Tiến độ thực hiện dự án (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6	7=5/3*100%	8=6/3*100%	9	9
18	Sân bóng đá mini và sửa chữa cải tạo thư viện trường Tiểu học Nam Trung	799,146,000	799,146,000	799,146,000	799,146,000				95
II	**Các dự án đầu tư công cấp xã**	**15,132,000,000**	**13,651,830,000**	**13,651,830,000**	**14,669,478,000**	**90.22**	**96.94**	**462,522,000**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Hiệp Cát đoạn từ Nghĩa trang Liệt sỹ đi dốc đê Kinh Dương	391,000,000						391,000,000	100
2	Công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào thôn Lấu Khê	966,000,000	965,478,000	965,478,000	965,478,000			522,000	100
3	Cải tạo mặt đường, rãnh thoát nước các tuyến đường của các thôn:	200,000,000	200,000,000	200,000,000	200,000,000				100
4	Quy hoạch, Mở rộng nâng cấp, Block vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng, rãnh thoát nước đường tỉnh 390	6,779,000,000	6,024,543,000	6,024,543,000	6,779,000,000				Đang thi công
5	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, thoát nước, cây xanh và các hạng mục liên quan khác đường Bác Hồ về thăm xã Nam Chính	3,593,000,000	3,593,000,000	3,593,000,000	3,593,000,000				80

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Kế hoạch vốn thành phố giao năm 2026	Lũy kế giải ngân đến 09/10/2026	Số liệu tính giải ngân đến 09/10/2026	Ước giải ngân lũy kế 10 tháng	SS giải ngân so với KH thành phố giao (tính đến 09/10/2026)	SS giải ngân so với KH thành phố giao (9 tháng 2026)	Ước giải ngân quý IV	Tiến độ thực hiện dự án (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6	7=5/3*100%	8=6/3*100%	9	9
6	Xây mới bếp ăn bán trú trường Mầm non Thanh Quang	271,000,000	219,000,000	219,000,000	219,000,000			52,000,000	95
7	Hoàn thiện hạ tầng khu tái định cư Cát Khê	77,000,000	77,000,000	77,000,000	77,000,000				100
8	Đèn LED trang trí các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã	19,000,000						19,000,000	100
9	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới cạnh sân thể thao thôn Mạn Đê	1,938,000,000	1,938,000,000	1,938,000,000	1,938,000,000				75
10	Cải tạo bãi rác tập trung xã Trần Phú	675,000,000	411,809,000	411,809,000	675,000,000				95
11	Sửa chữa sân trước nghĩa trang Liệt sỹ Thanh Quang	126,000,000	126,000,000	126,000,000	126,000,000				100
12	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa các thôn trên địa bàn xã	97,000,000	97,000,000	97,000,000	97,000,000				100